



Mobilgrease XHP™ 460 Series

Mô tả sản phẩm

Mobilgrease XHP™ 460 là dòng mỡ gốc lithium phức hợp sử dụng cho các ứng dụng tải nặng ở mọi điều kiện hoạt động. Dòng mỡ này được điều chế với tính chất vượt trội so với các sản phẩm thông thường nhờ công nghệ sản xuất lithium phức hợp hiệu quả cao độc quyền. Chúng được điều chế cho hiệu suất tuyệt vời ở nhiệt độ cao với khả năng bám dính, cấu trúc bền vững và kháng nước rất tốt. Dòng mỡ này có độ bền hóa học ở mức cao và sự bảo vệ chống ăn mòn và chống rỉ xuất sắc. Chúng có nhiệt độ nhỏ giọt cao và nhiệt độ làm việc được khuyến nghị là 140°C (284°F). Dòng Mobilgrease XHP 460 được điều chế với dầu gốc có độ nhớt ISO VG 460 và có cấp độ đặc NLGI 1 và 2. Mobilgrease XHP 462 Moly được tăng cường với 3% molybdenum disulfide để tăng tính năng chống mài mòn và áp lực cực trị trong các ứng dụng tải nặng và trượt cao.

Mobilgrease XHP 460 được điều chế cho các ứng dụng rộng rãi trong công nghiệp, ô tô, xây dựng và hàng hải. Tính năng của chúng là sự lựa chọn cho các điều kiện hoạt động ở nhiệt độ cao, nhiễm nước, tải va đập và các hoạt động kéo dài giữa các kỳ tái bôi trơn. Mobilgrease XHP 462 Moly là mỡ áp lực cực trị chứa 3% molybdenum disulfide cung cấp khả năng bảo vệ ở các điều kiện dễ bị mất màng dầu bôi trơn như trượt tải nặng và khớp quay.

Tính năng và Lợi ích

Dòng mỡ Mobilgrease XHP 460 là dòng sản phẩm hàng đầu của các sản phẩm mỡ mang thương hiệu Mobilgrease. Dòng mỡ Mobilgrease XHP 460 được điều chế bởi các chuyên gia và đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật của chúng tôi trên toàn thế giới.

Yếu tố chính trong các đặc tính bám dính và độ bền cấu trúc hóa học của chất làm đặc trong mỡ Mobilgrease XHP 460 là công nghệ sản xuất được phát triển nghiên cứu và thực hiện từ các cơ sở hiện đại của chúng tôi. Các sản phẩm này sử dụng các phụ gia được lựa chọn đặc biệt để cung cấp đặc tính ổn định oxy hóa, kháng chế ăn mòn và rỉ sét, ngăn ngừa nhiễm nước cũng như bảo vệ chống ăn mòn và áp lực cực trị rất tốt. Dòng sản phẩm mỡ Mobilgrease XHP 460 đem lại tính năng và lợi ích tiềm năng sau:

Tính năng	Ưu điểm và Lợi ích tiềm năng
Kháng nước rửa trôi và nước phun tuyết vởi	Giúp bôi trơn và bảo vệ hiệu quả ngay cả trong điều kiện nhiễm nước khắc nghiệt nhất.
Cấu trúc bám dính cao	Độ bền của mỡ giúp giảm rò rỉ và tăng khoảng cách tái bôi trơn giúp giảm các yêu cầu bảo dưỡng.
Kháng rỉ và chống ăn mòn xuất sắc	Bảo vệ các phần được bôi trơn ngay cả trong những môi trường nhiễm nước.
Kháng oxy hóa, chống giảm độ bền nhiệt và chống phân hủy ở nhiệt độ cao rất tốt	Giúp tăng tuổi thọ mỡ và tăng sự bảo vệ ổ đỡ trong các ứng dụng ở nhiệt độ cao và giảm chi phí bảo trì và thay phụ tùng.
Hiệu suất chống mài mòn và áp lực cực trị rất tốt	Bảo vệ tin cậy cho các thiết bị được bôi trơn, ngay cả dưới các điều kiện trượt cao giúp tăng tuổi thọ thiết bị và giảm thời gian dừng máy.
Ứng dụng đa dạng	Giúp đơn giản hóa hàng tồn kho và giảm chi phí lưu kho

Ứng dụng

Dòng mỡ Mobilgrease XHP 460 được sử dụng rộng rãi cho các thiết bị trong công nghiệp, xe ô tô, xây dựng và hàng hải. Màu xanh của Mobilgrease XHP 461 và 462 dễ dàng nhận biết cho các ứng dụng. Với độ nhớt dầu gốc cao, ISO VG 460, dòng mỡ này được khuyến nghị sử dụng cho các ứng dụng ở tốc độ thấp đến trung bình với tải trọng cao, bao gồm bôi trơn cho các ổ đỡ trong nhà máy giấy, xây dựng và khai thác mỏ cũng như là xe tải công trường.

Những ứng dụng đặc biệt:

- **Mobilgrease XHP 461** được ExxonMobil khuyến nghị sử dụng trong công nghiệp và hàng hải, các khung xe và thiết bị nông nghiệp. Nó cho hiệu suất rất cao ở nhiệt độ thấp. Mỡ đáp ứng cho các khớp nối mềm kiểu răng thấp tốc.
- **Mobilgrease XHP 462** được khuyến nghị sử dụng trong các vòng bi làm kín bằng nỉ, các ổ đỡ chịu ẩm ướt, ổ đỡ chịu áp lực. Mỡ cũng có tính đa năng cho các ứng dụng chung trong các nhà máy công nghiệp và hàng hải, các khung xe và các thiết bị nông nghiệp.
- **Mobilgrease XHP 462 Moly** được tăng cường với 3% molybdenum disulfide và được ExxonMobil khuyến nghị bôi trơn đặc biệt cho các chốt gầu và các mâm kéo, nơi mà molybdenum disulphide sẽ giúp tăng cường bảo vệ các khu vực mà ma sát trượt và dao động qua lại có thể làm gián đoạn màng dầu bôi trơn gây ra sự tiếp xúc giữa các kim loại với nhau.

Đặc tính và Sự chấp thuận

Mobilgrease XHP 460 Series đáp ứng hoặc vượt quá các yêu cầu của:	461	462	462 Moly
DIN 51825: (2004-06)	KP1N-20L	KP2N-20L	--

Đặc tính tiêu biểu

Mobilgrease XHP	461	462	462 Moly
Cấp NLGI	1	2	2
Chất làm đặc	Li-Phức hợp	Li-Phức hợp	Li-Phức hợp
Màu sắc, Quan sát	Xanh dương đậm	Xanh dương đậm	Xám
Molybdenum Disulfide, % kl.	--	--	3%
Độ xuyên kim ở 25°C, ASTM D 217	325	280	280
Điểm nhỏ giọt, °C, ASTM D 2265	280	280	280
Độ nhớt dầu gốc, ASTM D 445			
• cSt ở 40°C	460	460	460
Mòn 4 bi, ASTM D 2266, vết mòn, mm	0.50	0.50	0.50
Hàn dính 4 bi, ASTM D 2509, Kg	315	315	315
Tải Timken OK , ASTM D 2509, lb	50	50	50
Thử oxy hóa, ASTM D 942, sự sụt áp ở 100 giờ, kPa (psig)	13.8 (2)	13.8 (2)	--
Chống ăn mòn, ASTM D 1743	Đạt	Đạt	Đạt
Chống rỉ (EMCOR), IP 220-mod/ASTM D 6138., Nước cất	0,0	0,0	0,0
Ăn mòn lá đồng, ASTM D 4048	1a	1a	1a
Sự thay đổi độ đặc , Ổn định lặn, ASTM D 1831, mm/10	-5	-5	-5

Sức khỏe và An toàn

Dựa trên những thông tin sẵn có, sản phẩm này không gây ra những ảnh hưởng có hại cho sức khỏe khi được dùng tuân theo chỉ định và khuyến nghị ghi trong bản An Toàn Sản Phẩm (MSDS). Liên hệ văn phòng kinh doanh hay thông qua Internet để có các bản MSDS. Không nên dùng sản phẩm vào những mục đích khác với ứng dụng đã chỉ định. Chú ý bảo vệ môi trường.

Tất cả các nhãn hiệu đã sử dụng ở đây là nhãn hiệu hoặc thương hiệu đã được đăng ký của Tập đoàn ExxonMobil hoặc một trong các công ty con của Tập đoàn này.

7-2014

ExxonMobil Asia Pacific Ltd
1 HarbourFront Place
#06-00 HarbourFront Tower One
Singapore 098633

+65 6885 8000

<http://www.exxonmobil.com>

Do sự nghiên cứu và phát triển liên tục sản phẩm, các thông tin trên có thể thay đổi mà không cần thông báo. Các đặc tính tiêu biểu có thể biến đổi ở mức độ không đáng kể.

Bản quyền © 2001 – 2014 của tập đoàn ExxonMobil.